

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2019/HS-ST  
Ngày 22-01-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Châu Hồng Nga.
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 413 /2018/HSST ngày 27 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/HSST-QĐ ngày 10/01/2019 đối với các bị cáo:

1. Thân Thanh H, sinh năm 1983 tại tỉnh Bắc Giang; thường trú: Đường Đoàn Thị Kia, khu phố C, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn C, sinh năm 1956 và con bà Thân Thị L, sinh năm 1956; có vợ tên Nguyễn Thị K, sinh năm 1987 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền sự, tiền án: Không có. Bị tạm giữ từ ngày 11/7/2018 đến ngày 19/7/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, có mặt.

2. Trần Văn N, sinh năm 1986 tại tỉnh Nam Định; thường trú: Xóm 5 xã T huyện H, tỉnh Nam Định; tạm trú: Khu phố L, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Trần Văn N, sinh năm 1946 và con bà Vũ Thị H, sinh năm 1953; có vợ tên Lại Thị T, sinh năm 1988; tiền sự, tiền án: Không có. Bị tạm giữ từ ngày 11/7/2018 đến ngày 19/7/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, có mặt.

*Bị hại:* Anh Trần Lê T, sinh năm 1983; thường trú: Xóm 7 xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Khu phố P1, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*

1. Chị Lê Thị Kim A, sinh năm 1988; thường trú: Ấp 11 xã T, huyện T, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: Khu phố T, phường H, thị xã U tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Anh Cao Văn B, sinh năm 1983; thường trú: Thôn X xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

*Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1987; thường trú: Đường Đoàn Thị Kìa, khu phố C, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, có đơn xét xử vắng mặt.

2. Anh Lương Văn H, sinh năm 1996; thường trú: Thôn 3 xã T huyện C, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Đường Đoàn Thị Kìa, khu phố C, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Thân Thanh H buôn bán thịt bò, bỏ mối cho các tiểu thương bán lẻ, bị cáo Trần Văn N là người làm thuê cho H, Cao Văn B là bạn của N.

Thời gian năm 2011 đến năm 2016, bị hại Trần Lê T mua thịt bò nhiều lần của H về bán và nợ lại số tiền 71.200.000 đồng. Bị cáo H nhiều lần điện thoại, nhắn tin yêu cầu T trả tiền nhưng T không trả. Đầu tháng 7/2018, H biết T và vợ đang yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An. H nhờ N đòi tiền T và đưa số điện thoại di động của T cho N. N điện thoại, nhắn tin yêu cầu T trả tiền cho H nhưng không được. Ngày 11/7/2018, H biết T và vợ đến Tòa án Dĩ An giải quyết ly hôn. H kể cho N biết và nói N “đến Tòa án thị xã Dĩ An gặp T lấy tiền, nếu không trả thì đưa T về nói chuyện với H”. Vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 11/7/2018, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám đen, biển số 18B1-864.72 chở B chạy đến quán cà phê (không rõ biển hiệu) gần Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An uống nước, đồng thời N kể cho B biết việc anh T còn thiếu nợ tiền thịt bò của H với tổng số tiền 71.200.000 đồng nhưng gọi điện, nhắn tin anh T không trả lời mà còn khóa máy, chặn cuộc gọi. N nói B “đón T để đòi nợ ngay sau khi T ra khỏi Tòa án”. Khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, N và B biết anh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 95B1-49739 (xe mô tô do T mượn của bạn Lê Thị Kim A) ra khỏi Tòa án. N, B điều khiển xe mô tô theo sau anh T, khi lưu thông đến khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. N, B chặn ép xe mô tô của anh T vào lề đường. N nói anh T “đi theo về nhà của H để giải quyết nợ nần”. B lên xe để T chở, N điều khiển xe mô tô đi phía sau. Khi về đến nhà H địa chỉ đường Đoàn Thị Kìa, khu phố C, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương. N, B dùng tay tát vào mặt anh T khoảng 3 - 4 cái, B cầm nón bảo hiểm đánh vào đầu anh T 01 cái nói “lý do không trả tiền còn chặn số, khóa điện thoại”. N, B, T và H ngồi trên ghế trước cửa nhà H, N nói anh T “hôm nay mày phải trả nửa tiền, mày nói trả tiền sao mày không trả và còn chặn cả điện thoại của tui tao”, N tát vào mặt anh T 01 cái và nói “hôm nay mày phải trả ít nhất một nửa, còn không đừng về hôm nay”. H đề cập T trả nợ, T nói “không có tiền trả”, H nói T “gọi điện thoại cho người thân để mượn tiền trả”, anh T dùng điện thoại gọi điện cho người quen mượn tiền nhưng không được. Trong lúc anh T cùng với H, N nói chuyện B điều khiển xe mô tô biển số 18B1-864.72 về phòng ở trọ. Khi nói chuyện T hẹn H khi nào bán nhà ngoài quê sẽ thanh toán nợ nhưng H không đồng

ý, lúc này H sử dụng điện thoại Nokia 1280 nhắn tin cho N với nội dung “ép anh T để lại xe mô tô biển số 95B1-497.39 và viết giấy bán xe cho N với số tiền 35.000.000 đồng”. Sau đó N, H nói “mày không có tiền thì mày phải bán cái xe này”, anh T không đồng ý và nói “xe không phải của anh T mà là mượn của bạn gái”. H nói “tao không cần biết xe này của mày hay của vợ mày, xe mày đi là của mày”, N nói “mày không có tiền thì phải để lại xe cho tui tao, không được có về”. H và N nói “mày cứ viết giấy bán xe, nếu sau này mày có tiền mang lên trả thì sẽ trả lại xe cho mày”. Sau khi đọc cho anh T viết giấy bán xe, lăn tay xong H yêu cầu anh T “đưa giấy tờ xe” nhưng anh T nói “không có” nên H giữ chứng minh nhân dân của anh T, H nhờ người làm công Lương Văn H chở T về nhà. Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, anh Trần Lê T đến Công an phường Tân Đông Hiệp trình báo sự việc. Khoảng 17 giờ 10 phút ngày 11/7/2018, bị cáo Thân Thanh H và Trần Văn N đến Công an phường Tân Đông Hiệp đầu thú hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 95B1-49739; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám đen, biển số 18B1-864.72; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, số sim 0962791039 của Thân Thanh H; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, số sim 01649398567 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Asus Z010D màu đen, số sim 01627024810 của Trần Văn N; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Lê T; 01 (một) nón bảo hiểm màu tím, vành mũ nón màu đen bị gãy, bể; 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng có dòng chữ Honda và 01 (một) hộp mực lăn tay màu trắng.

Kết luận định giá tài sản số 220/BB.ĐG ngày 17/7/2018 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ nâu, biển số 95B1-497.39 trị giá 25.000.000 đồng.

Vật chứng đã xử lý: Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả lại:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 95B1-49739 trả lại chủ sở hữu chị Lê Thị Kim A

+ Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám đen, biển số 18B1-864.72; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus Z010D màu đen, số sim 01627024810 của Trần Văn N do không sử dụng vào việc phạm tội

+ Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Lê T

Cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 27/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Thân Thanh H, Trần Văn N về tội “Cuồng đoạt tài sản”, theo quy định khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51, 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao xử phạt các bị cáo:

Thân Thanh H từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 3 năm đến 4 năm.

Bị cáo Trần Văn N từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 2 năm đến 3 năm.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen. Tịch thu tiêu hủy 01 nón bảo hiểm bị gãy, bể; 01 nón bảo hiểm màu trắng có dòng chữ Honda; 01 sim số 0962.791.039 và 01649.398.567 do liên quan và sử dụng vào việc phạm tội.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo H: Bị cáo không am hiểu pháp luật dẫn đến phạm tội, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án thấp nhất cho bị cáo.

Bị cáo N: Bị cáo biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo Thân Thanh H, Trần Văn N thừa nhận việc bị hại anh Trần Lê T lấy thịt bò từ bị cáo H đi bán còn nợ lại H 72.200.000 đồng, bị cáo H đòi nhiều lần nhưng T không trả. Ngày 11/7/2018 khi biết T và vợ đang giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An. Bị cáo H đã nói N đến gặp T đòi tiền, hoặc đưa T về nhà H. Sau đó bị cáo N nhờ bạn Cao Văn B đi gặp T, khi T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 95B1-49739 ra khỏi Tòa án. N và B đi sau theo T, sau đó dừng xe đưa T về nhà H. Tại nhà H, N và B đã có hành vi dùng tay tát T, dùng nón bảo hiểm đánh T yêu cầu T trả tiền cho H, sau đó B đi về phòng trọ. Còn lại H, N và T ngồi nói chuyện. Lúc

này H và N có lời nói đe dọa, ép buộc và sử dụng điện thoại di động Nokia 1280 nhắn tin qua lại buộc T phải để lại xe mô tô T đang sử dụng để khấu trừ khoản nợ, để hợp thức hóa việc trên H, N buộc T phải viết giấy bán xe cho N với giá 35.000.000 đồng để cân trừ khoản nợ, buộc T phải để lại xe mô tô.

*Tại Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản, Bộ luật hình sự quy định.*

*1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

Như vậy, hành vi bị cáo N dùng tay đánh bị hại T, N và H nhắn tin, có lời nói đe dọa, bàn bạc ép bị hại T để xe của T lại, buộc T phải viết giấy bán xe để khấu trừ tiền nợ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 25/CT – VKS –DA ngày 27/12/2018 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo H, N cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm do bị cáo H, N thực hiện là nghiêm trọng, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo ngoài việc xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của anh Trần Lê T được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội tại địa phương. Do vậy, hành vi trên của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xét đến tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H, N không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại tài sản; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã ra đầu thú, bị hại đã có đơn bãi nại cho các bị cáo. Bị cáo H, N nhất thời phạm tội, phạm tội do xuất phát từ khoản nợ tiền bị hại T không thanh toán cho bị cáo H. Tình tiết trên được quy định tại điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo H, N có nhân thân tốt thể hiện việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự, các bị cáo có nghề nghiệp ổn định.

Xét tính chất, mức độ tội phạm và nhân thân các bị cáo H, N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt tù cho hưởng án treo và giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Lê T đã nhận tài sản xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ nâu, biển số 95B1-497.39 và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 02 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, bị cáo H và N sử dụng vào việc phạm tội. Vì vậy tịch thu sung vào

ngân sách nhà nước. Đối với nón bảo hiểm bị gãy, bể, 01 nón bảo hiểm màu trắng có dòng chữ Honda; 01 sim số 0962.791.039 và 01649.398.567, do không còn giá trị sử dụng. Cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo Thân Thanh H, Trần Văn N tham gia với vai trò người thực hành. Tuy nhiên bị cáo H là người khởi xướng rủ bị cáo N thực hiện tội phạm. Do vậy, mức hình phạt bị cáo H phải cao hơn so với bị cáo N.

[7] Đối với Cao Văn B dùng tay, nón bảo hiểm đánh T. Tuy nhiên B không tham gia vào việc bàn bạc để buộc bị hại T phải để lại xe, phải viết giấy bán xe của T để khấu trừ khoản nợ của T cho H. Hành vi của B đã bị Công an thị xã Dĩ An xử phạt hành chính là phù hợp.

[8] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo H, N việc xử lý vật chứng. Xét quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo H, N phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Thân Thanh H, Trần Văn N phạm tội Cường đoạt tài sản.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao đối với bị cáo Thân Thanh H và Trần Văn N.

Xử phạt bị cáo Thân Thanh H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Giao bị cáo Thân Thanh H, Trần Văn N cho Ủy ban nhân dân phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo H, N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi Hành án Hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen.

Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm bị gãy, bể; 01 nón bảo hiểm màu trắng có dòng chữ Honda; 01 sim số 0962.791.039 và 01649.398.567. Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/12/2018.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Các bị cáo Thân Thanh H, Trần Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; bị hại, người cqlnvlq;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Linh**